

Bản án số: 213/2018/DS-PT
Ngày: 06/6/2018
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy.**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Văn Ngoan**

Ông Lê Thanh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 5 đến ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2017/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Th, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp MA, xã MDT, huyện CB, tỉnh TG;

- Bị đơn: Đặng Văn T, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp HL, xã MB, huyện CB, tỉnh TG;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Kim L, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Trần Thị Kim Th, sinh năm 1967 (có mặt);

3. Lê Thị L, sinh năm 1959 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp MA, xã MDT, huyện CB, tỉnh TG

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp HL, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG;

Người đại diện hợp pháp của bà L, H: Trần Lan A, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 139, tổ 7, khu, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh TG.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đặng Văn T, sinh năm 1962;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:* Bà là chị vợ của ông Đặng Văn T, vì tin tưởng nên bà có cho ông T mượn tiền nhiều lần cụ thể:

- Ngày 20/12/2013 (al) bà cho ông T mượn 154.000.000 đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị H.

- Ngày 23/12/2013 (al), cho ông T mượn 122.000.000 đồng để trả cho bà L.

- Ngày 06/11/2013 (al) mượn 240.000.000 đồng để trả cho Quỹ tín dụng nhanh dân TT nhưng sau đó ông T đã trả lại cho bà 200.000.000 đồng còn nợ 40.000.000 đồng.

- Ngày 28/11/2013 (al) ông T mượn 50.000.000 đồng để trả nợ cho chị Trần Thị Kim Th.

Thời điểm bà cho ông T mượn các khoản tiền trên đều không có làm biên nhận, đến ngày 16/01/2014 (al) thì ông T có làm biên nhận và hẹn đến ngày 25/01/2014 (al) sẽ trả cho bà 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thỏa thuận sau. Nay ông T không thực hiện đúng như thỏa thuận trong biên nhận nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T phải trả lại cho bà số tiền 366.000.000 đồng làm một lần ngày khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:* Bà Trần Thị T là chị vợ của ông, ông xác nhận biên nhận nợ ngày 16/01/2014 (al) là do ông viết tại nhà của bà T, khi viết có ông và bà T không có ai khác chứng kiến. Lúc này vợ ông bà Trần Kim L đang đi mua gạo ở xã AC, huyện CB, tỉnh TG không có mặt ở nhà. Mục đích ông viết biên nhận này là do bà T nói vợ ông là bà L nợ bà Lê Thị L, Nguyễn Thị H và Trần Thị Kim T (thường gọi là Bé B) tổng cộng 290.000.000 đồng tiền vốn và 76.500.000 đồng tiền lãi. Khi viết biên nhận thì bà T giảm cho ông số tiền 500.000 đồng nên còn nợ lại bà Thiện số tiền 366.000.000 đồng như trong biên nhận. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông có ý kiến không đồng ý vì ông cho rằng mình hoàn toàn không có mượn tiền gì của bà T, việc ông viết biên nhận nợ trên xuất phát từ ý muốn trả nợ thay cho vợ ông dựa trên bảng kê nợ mà bà T đưa ra chứ thật sự là ông không có nhận bất kì khoản tiền nào từ bà T.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Kim L trình bày:* Chị xác định rằng mình không có nợ ai và cũng không có yêu cầu ông T viết bất kì biên nhận nợ nào để trả tiền thay bà. Số tiền 366.000.000 đồng theo biên nhận nợ mà chị T cung cấp là khoản tiền mà ông T nợ riêng chị T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Trần Lan A trình bày:* ngày 12/10/2011 (al), bà H có cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng Đến ngày 20/12/2013 (al), thì ông T trả lại số tiền vốn lãi cho bà H tổng cộng là 154.000.000 đồng. Khi vay ông T có làm biên nhận cho bà H, nhưng sau khi ông T trả đủ tiền thì bà H đã trả lại biên nhận cho ông. Theo bà H ông T mượn tiền của bà T để trả lại cho bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L ủy quyền cho chị Trần Lan A trình bày:* Bà L có cho ông T vay 02 lần cụ thể:

- Lần 01: Ngày 26/5/2012 cho ông T vay 50.000.000 đồng lãi suất 3%/tháng.

- Lần 02: Ngày 04/6/2012 cho ông T vay 50.000.000 đồng lãi suất 3%/tháng.

Khi vay ông T có làm biên nhận. Ngày 22/12/2013 (al), ông T trả cho bà L số tiền vốn và lãi tổng cộng 122.000.000 đồng, ngay sau khi trả tiền xong bà L đã trả lại biên nhận nợ cho ông T. Bà L cho rằng tiền mà ông T trả bà là do ông T mượn của bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim T trình bày:* Bà có cho ông T mượn số tiền 50.000.000 đồng, không tính lãi, mượn tiền vào ngày 08/4/2013 (al). Hiện giờ ông T đã trả xong số tiền trên nên bà không có yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2017/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 471, 474 Bộ Luật dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn T trả cho bà Trần Thị T số tiền 366.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/01/2018, bị đơn ông Đặng Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2017/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đương sự bà T, ông T đều thừa nhận ông T viết biên nhận ngày 16/01/2014 trên cơ sở bản kê do bà T viết, trong khi bản kê có bản kê có tên Bé 6 (Trần Kim L) +T. Như vậy, bà L cũng có phần trách nhiệm đối với bản kê do bà T viết và biên nhận ngày 16/01/2014 cùng với ông T, nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa điều tra làm rõ để xem xét mức độ và

trách nhiệm liên đới của bà L đối với số tiền nợ 366.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T còn thừa nhận trong biên nhận mà ông T nợ 366.000.000 đồng thì ngoài số tiền mà ông T mượn để trả nợ cho bà L 122.000.000 đồng, bà H 154.000.000 đồng, bà Bé B 50.000.000 đồng, thì còn có số tiền 40.000.000 đồng mà ông T đã mượn của bà T để trả tiền vốn vay cho Quỹ tín dụng TT nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập các tài liệu chứng cứ tại Quỹ tín dụng TT để làm rõ thêm số tiền 40.000.000 đồng có liên quan đến số tiền 366.000.000 đồng. Với những thiếu sót như đã phân tích trên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 hủy án sơ thẩm số 168/2017/DSST ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ông T thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn kháng cáo đúng quy định tại Điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định, trong năm 2013 bà Trần Thị T có cho ông Đặng Văn T mượn tiền nhiều lần tổng số tiền là 366.000.000 đồng, việc cho mượn tiền không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả đến ngày 25/01/2014 trả 100.000.000 đồng. Ông T có viết biên nhận nợ ngày 16/01/2014(AL) có chữ ký của ông Đặng Văn T. Ông T cũng thừa nhận chữ ký trong biên ngày 16/01/2014 là do ông ký nên có cơ sở xác định giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Văn T xác lập hợp đồng vay theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo thỏa thuận thì đến ngày 25/01/2014 ông T phải trả cho bà T 100.000.000 đồng, đến hạn ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Thiện. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà T.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn T Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Tờ cho rằng ông không có nhận tiền của bà T, ông ký tên vào biên nhận nợ ngày 16/01/2014 là ký nợ thay cho vợ ông là bà Trần Kim L, ông không có vay tiền của bà L, bà H.

Xét quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay ngày 16/01/2014 giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Văn T thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2013, hợp đồng vay ngày 16/01/2014 chỉ là xác định lại các khoản nợ trước mà ông T chưa trả cho bà T. Tại thời điểm vay tiền các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng, không ai bị đe dọa, ép buộc.

Ông T thừa nhận biên nhận nợ ngày 16/01/2014 do chính ông viết và ký tên nợ bà T số tiền 366.000.000 đồng nhưng ông cho rằng số tiền 366.000.000 đồng là nợ riêng của bà L trước khi về chung sống với ông. Ông viết biên nhận ngày 16/01/2014 là để nhận nợ thay cho vợ ông là bà Trần Kim L là không có cơ sở vì việc nhận nợ thay cho bà L không có chứng cứ chứng minh, đồng thời phía bà L không thừa nhận có nợ ai khoản tiền nào và ông T cũng không giải thích được vì sao việc ông ký nhận nợ thay cho bà L một khoản tiền lớn mà lại không có ý kiến của bà L là không hợp lý. Do đó, có cơ sở xác định ông T có nợ bà T số tiền nợ 366.000.000 đồng.

Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang không có căn cứ.

Đối với phần lãi suất chậm thực hiện án sơ thẩm tuyên người phải thi hành án phải chịu thêm khoản lãi suất cơ bản tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án là chưa phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp qui định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 và Điều 473 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí của Tòa án ngày 27/02/2009; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 168/2017/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn T trả cho bà Trần Thị T số tiền **366.000.000** đồng. Thực hiện trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 18.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã tạm nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08070 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nên ông T còn phải nộp tiếp 18.300.000 đồng tiền án phí.

Hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền 9.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026722 ngày 20/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án được tuyên vào lúc **14 giờ**, ngày 06/6/2018 có mặt đại diện Viện kiểm sát, bà T, ông T.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy